

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC  
Số 11 Đường Lê Quang Định, Phường Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. HCM  
Số thuế GTGT: 0311000000

MỤC LỤC

STT	TÊN	TRANG
1	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG QUÁT	01
2	BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI CHÍNH	02
3	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	03
4	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	04
5	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	05
6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	06
7	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	07
8	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	08
9	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	09
10	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	10
11	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	11
12	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	12
13	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	13
14	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	14
15	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	15
16	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	16
17	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	17
18	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	18
19	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	19
20	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	20
21	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	21
22	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	22
23	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	23
24	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	24
25	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	25
26	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	26
27	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	27
28	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	28
29	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	29
30	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	30
31	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	31
32	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	32
33	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	33
34	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	34
35	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	35
36	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	36
37	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	37
38	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	38
39	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	39
40	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	40
41	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	41
42	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	42
43	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	43
44	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	44
45	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	45
46	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	46
47	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	47
48	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	48
49	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	49
50	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	50
51	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	51
52	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	52
53	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	53
54	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	54
55	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	55
56	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	56
57	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	57
58	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	58
59	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	59
60	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	60
61	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	61
62	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	62
63	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	63
64	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	64
65	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	65
66	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	66
67	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	67
68	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	68
69	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	69
70	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	70
71	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	71
72	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	72
73	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	73
74	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	74
75	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	75
76	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	76
77	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	77
78	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	78
79	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	79
80	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	80
81	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	81
82	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	82
83	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	83
84	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	84
85	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	85
86	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	86
87	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	87
88	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	88
89	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	89
90	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	90
91	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	91
92	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	92
93	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	93
94	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	94
95	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	95
96	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	96
97	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	97
98	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	98
99	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	99
100	BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍCH HỢP	100

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Điện lực (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Văn Tuyền  
Bà Đỗ Thị Lan  
Ông Nguyễn Tài Hiếu

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tài Hiếu  
Ông Nguyễn Duy Đông

Giám đốc  
Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

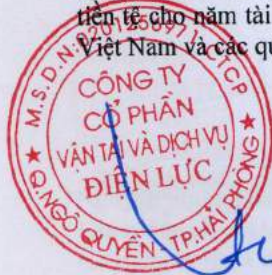
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Hiếu  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2018

Số: 028/VACO/BCKT.HP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Điện lực**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Điện lực (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 01 năm 2018, từ trang 03 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hồng Hiền**  
Giám đốc chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
1117-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH**  
**KIỂM TOÁN VACO TẠI HẢI PHÒNG**  
Ngày 27 tháng 01 năm 2018



**Đỗ Bình Dương**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1953-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.332.935.680</b>	<b>57.553.889.344</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.423.412.213</b>	<b>10.464.102.848</b>
1 Tiền	111		1.923.412.213	2.964.102.848
2 Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	7.500.000.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>7.398.650.000</b>	<b>8.895.168.771</b>
1 Chứng khoán kinh doanh	121		7.398.650.000	8.895.168.771
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>45.067.727.155</b>	<b>35.182.126.079</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	41.750.842.629	28.951.707.033
2 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.413.084.526	6.508.231.511
3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(96.200.000)	(277.812.465)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>3.948.453.952</b>	<b>2.927.652.179</b>
1 Hàng tồn kho	141		3.948.453.952	2.927.652.179
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>494.692.360</b>	<b>84.839.467</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	84.839.467
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		368.499.360	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		126.193.000	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>22.201.670.599</b>	<b>23.758.081.988</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.255.054.216</b>	<b>23.528.507.184</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	21.255.054.216	23.528.507.184
- Nguyên giá	222		45.757.401.231	46.642.762.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.502.347.015)	(23.114.255.535)
<b>II Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>946.616.383</b>	<b>229.574.804</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		946.616.383	229.574.804
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>83.534.606.279</b>	<b>81.311.971.332</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.647.816.056</b>	<b>18.223.195.025</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.647.816.056</b>	<b>18.223.195.025</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.714.558.552	9.202.718.069
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		88.492.591	309.749.607
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	549.576.842	956.849.733
4 Phải trả người lao động	314		645.887.914	769.824.623
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		50.040.989	67.520.235
6 Phải trả ngắn hạn khác	319		1.990.637.711	2.384.592.862
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	4.399.488.938	4.314.501.825
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		209.132.519	217.438.071
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>62.886.790.223</b>	<b>63.088.776.307</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>62.886.790.223</b>	<b>63.088.776.307</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.000.000.000	47.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.000.000.000	47.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		6.085.508.000	6.085.508.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		40.073.000	40.073.000
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		6.623.063.568	6.414.122.734
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.138.145.655	3.549.072.573
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		216.255.896	5.411.982
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.921.889.759	3.543.660.591
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>83.534.606.279</b>	<b>81.311.971.332</b>



Nguyễn Tài Hiếu  
Giám đốc

Đỗ Thị Lan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Liên  
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 01 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		67.471.005.864	50.352.678.362
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	67.471.005.864	50.352.678.362
4 Giá vốn hàng bán	11	16	58.584.883.714	40.188.310.749
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		8.886.122.150	10.164.367.613
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		333.820.226	712.122.618
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	5.578.717.561	6.519.618.733
8 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.641.224.815	4.356.871.498
9 Thu nhập khác	31		86.888.382	86.609.241
10 Chi phí khác	32		-	-
11 Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		86.888.382	86.609.241
12 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.728.113.197	4.443.480.739
13 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	806.223.438	899.820.148
14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		2.921.889.759	3.543.660.591
15 Lợi nhuận trên cổ phiếu	70	19	622	689



Nguyễn Tài Hiếu  
Giám đốc

Đỗ Thị Lan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Liên  
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 01 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.728.113.197</b>	<b>4.443.480.739</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	2.273.452.968	2.103.455.199
Các khoản dự phòng	03	(181.612.465)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(361.809.226)	(712.122.618)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.458.144.474</b>	<b>5.834.813.320</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(10.198.680.971)	(4.135.546.408)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(1.020.801.773)	(1.293.676.749)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.200.775.559	2.646.671.260
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(632.202.112)	(230.505.204)
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	1.496.518.771	(8.895.168.771)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(654.059.527)	(899.820.148)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(317.181.395)	(270.357.497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.667.486.974)</b>	<b>(7.243.590.197)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(2.846.933.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	27.989.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	333.820.226	712.122.618
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>361.809.226</b>	<b>(2.134.811.292)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	84.987.113	48.204.950.999
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(43.890.449.174)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.820.000.000)	(3.666.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.735.012.887)</b>	<b>648.501.825</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(6.040.690.635)</b>	<b>(8.729.899.664)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>10.464.102.848</b>	<b>19.194.002.512</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.423.412.213</b>	<b>10.464.102.848</b>



Nguyễn Tài Hiếu  
Giám đốc

Đỗ Thị Lan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Liên  
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 01 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ điện lực là Doanh nghiệp cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Giao nhận vận chuyển trực thuộc Công ty điện lực I và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp theo giấy đăng ký lần đầu ngày 30/04/2004. Công ty đã được cấp đăng ký thay đổi lần 8 ngày 03/11/2017.

Vốn Điều lệ của Công ty là 47.000.000.000 đồng. Danh sách cổ đông chính tại ngày 31/12/2017 như sau:

Cổ đông	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Hàng Hải Ngân Hà	1.128.000	11.280.000.000	24,00
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding	1.787.400	17.874.000.000	38,03
Cổ đông khác	1.784.600	17.846.000.000	37,97
<b>Cộng</b>	<b>4.700.000</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 82 người (tại ngày 01/01/2017 là 85 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa nhập tại các ga, cảng trong nước; vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; gia công cơ khí các thiết bị điện, các thiết bị dân dụng và công nghiệp; kinh doanh vật tư, thiết bị điện dân dụng và công nghiệp, vật tư thiết bị viễn thông công cộng; kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng; kinh doanh bất động sản, nhà ở; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, xây lắp điện cấp điện áp 110KV; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi chứa hàng container; bán ô tô và xe có động cơ khác; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; dịch vụ khai thuê hải quan.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa nhập tại các ga, cảng trong nước; vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi chứa hàng container; dịch vụ khai thuê hải quan.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc [Ban Tổng Giám đốc] đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*

*b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

*c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:**

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	(Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 25
Thiết bị quản lý	05 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	245.255.148	1.949.498.723
Tiền gửi ngân hàng	1.678.157.065	1.014.604.125
Các khoản tương đương tiền (*)	2.500.000.000	7.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.423.412.213</b>	<b>10.464.102.848</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5% đến 5,2%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Tổng giá trị cổ phiếu</i>		
DMC	-	2.391.962.000
DCM	828.500.000	-
PVD	-	3.173.831.771
EVE	-	3.329.375.000
GMD	5.641.500.000	-
TDH	928.650.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.398.650.000</b>	<b>8.895.168.771</b>

Tại ngày 31/12/2017, giá trị thị trường của các cổ phiếu 6,97 tỷ đồng, giảm 0,4 tỷ đồng so với giá gốc khoản đầu tư, chi tiết như sau:

Cổ phiếu	Giá thị trường VND	Giá gốc VND	Chênh lệch VND
DCM	816.000.000	828.500.000	(12.500.000)
GMD	5.269.687.500	5.641.500.000	(371.812.500)
TDH	888.000.000	928.650.000	(40.650.000)
<b>Cộng</b>	<b>6.973.687.500</b>	<b>7.398.650.000</b>	<b>(424.962.500)</b>

Công ty không đánh giá giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Công ty không phải gánh chịu rủi ro từ việc kinh doanh chứng khoán này theo Quyết định số 186/GĐ/POTRACO-HĐQT ngày 02 tháng 06 năm 2016 của Hội đồng Quản trị, theo đó, các cá nhân được ủy quyền kinh doanh chứng khoán phải bồi hoàn đủ vốn nếu bị lỗ. Một phần chứng khoán này được mua bằng khoản vay cầm cố chứng khoán từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (xem Thuyết minh 13 - Vay ngắn hạn).

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>41.750.842.629</i>	<i>28.951.707.033</i>
Ban QLDA công trình điện Miền bắc	219.704.825	4.002.705.427
COSCO LOGISTIC (Guangzhou)	11.375.882.896	5.782.723.537
Công ty TNHH MTV tiếp vận GEMADEPT	22.285.504.586	11.097.306.923
Công ty truyền tải điện 4	-	3.890.463.649
Công ty truyền tải điện 1	4.151.785.000	-
Các đối tượng khác	3.717.965.322	4.178.507.497
<b>Cộng</b>	<b>41.750.842.629</b>	<b>28.951.707.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**Số 112, Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>3.413.084.526</b>	<b>6.508.231.511</b>
Tạm ứng	340.098.558	5.458.793.713
Phải thu khác	477.899.939	436.427.198
Phải thu do các khoản lỗ kinh doanh chứng khoán (*)	2.000.838.938	419.333.054
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	594.247.091	193.677.546
<b>Cộng</b>	<b>3.413.084.526</b>	<b>6.508.231.511</b>

(\*) Theo Quyết định số 186 GĐ/POTRACO-HĐQT ngày 02 tháng 06 năm 2016 của Hội đồng Quản trị, theo đó, các cá nhân được ủy quyền kinh doanh chứng khoán phải bồi hoàn đủ vốn nếu bị lỗ, tổng số lỗ tại thời điểm 31/12/2017 là 2.000.838.938 đồng đã được phân chia cho các cá nhân liên quan.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.948.453.952	2.927.652.179
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>3.948.453.952</b>	<b>2.927.652.179</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>3.948.453.952</b>	<b>2.927.652.179</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	5.533.728.824	40.491.701.273	617.332.622	46.642.762.719
Thanh lý, nhượng bán	-	(368.804.048)	(516.557.440)	(885.361.488)
Phân loại lại tài sản	110.895.182	(56.000.000)	(54.895.182)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.644.624.006</b>	<b>40.066.897.225</b>	<b>45.880.000</b>	<b>45.757.401.231</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	4.879.699.590	17.664.590.969	569.964.976	23.114.255.535
Khấu hao trong kỳ	38.330.340	2.225.946.624	9.176.004	2.273.452.968
Thanh lý, nhượng bán	-	(368.804.048)	(516.557.440)	(885.361.488)
Phân loại lại tài sản	100.231.700	(56.024.828)	(44.206.872)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.018.261.630</b>	<b>19.465.708.717</b>	<b>18.376.668</b>	<b>24.502.347.015</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư đầu năm	654.029.234	22.827.110.304	47.367.646	23.528.507.184
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>626.362.376</b>	<b>20.601.188.508</b>	<b>27.503.332</b>	<b>21.255.054.216</b>

Nguyên giá của nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 lần lượt là 4.073.706.325 đồng, 2.439.556.632 đồng). Tại ngày 01/01/2017 là 4.073.706.325 đồng, 3.634.884.490 đồng và 516.557.440 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**Số 112, Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.714.558.552</b>	<b>12.714.558.552</b>	<b>9.202.718.069</b>	<b>9.202.718.069</b>
Công ty CP vận tải và đại lý KNL	1.856.970.000	1.856.970.000	1.536.040.000	1.536.040.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Khánh Hội	-	-	2.041.600.000	2.041.600.000
Công ty TNHH Công Thành	674.300.000	674.300.000	971.020.000	971.020.000
Công ty TNHH Vận tải XD Thanh Bình	1.924.890.000	1.924.890.000	-	-
DNTN Phong Loan	758.000.000	758.000.000	-	-
Công ty CPTM và DVVT Đức Thắng	954.470.000	954.470.000	74.592.000	74.592.000
Công ty CPTM và DV VT Mình Châu	1.647.800.000	1.647.800.000	-	-
Công ty CP tư vấn XD viễn đông	878.350.000	878.350.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	4.019.778.552	4.019.778.552	4.579.466.069	4.579.466.069
<b>Cộng</b>	<b>12.714.558.552</b>	<b>12.714.558.552</b>	<b>9.202.718.069</b>	<b>9.202.718.069</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế phải thu</b>	-	-	<b>126.193.000</b>	<b>126.193.000</b>
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	126.193.000	126.193.000
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>956.849.733</b>	<b>3.116.576.457</b>	<b>3.523.849.348</b>	<b>549.576.842</b>
Thuế giá trị gia tăng	220.627.969	1.581.637.866	1.802.265.835	-
Thuế TN doanh nghiệp	388.607.354	812.094.833	654.059.527	546.642.660
Thuế thu nhập cá nhân	23.369.410	70.806.758	91.241.986	2.934.182
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	324.245.000	649.037.000	973.282.000	0
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>956.849.733</b>	<b>3.116.576.457</b>	<b>3.523.849.348</b>	<b>549.576.842</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**Số 112, Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**MẪU B 09a-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***13. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<i>4.314.501.825</i>	<i>4.314.501.825</i>	<i>84.987.113</i>	<i>-</i>	<i>4.399.488.938</i>	<i>4.399.488.938</i>
Công ty Chứng khoán Bản Việt	4.314.501.825	4.314.501.825	84.987.113	-	4.399.488.938	4.399.488.938
<b>Cộng</b>	<b>4.314.501.825</b>	<b>4.314.501.825</b>	<b>84.987.113</b>	<b>-</b>	<b>4.399.488.938</b>	<b>4.399.488.938</b>

Vay ngắn hạn phản ánh khoản cho vay cầm cố chứng khoán hiện có của Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (xem Thuyết minh số 6 - Kinh doanh chứng khoán).

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	47.000.000.000	6.085.508.000	40.073.000	6.203.880.366	4.210.259.347	63.539.720.713
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.543.660.591	3.543.660.591
Trích lập các quỹ	-	-	-	210.242.368	(538.847.365)	(328.604.997)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.666.000.000)	(3.666.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>6.085.508.000</b>	<b>40.073.000</b>	<b>6.414.122.734</b>	<b>3.549.072.573</b>	<b>63.088.776.307</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	2.921.889.759	2.921.889.759
Trích lập các quỹ(*)	-	-	-	208.940.834	(512.816.677)	(303.875.843)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(2.820.000.000)	(2.820.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>6.085.508.000</b>	<b>40.073.000</b>	<b>6.623.063.568</b>	<b>3.138.145.655</b>	<b>62.886.790.223</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 103/NQ-ĐHCD-POTRACO ngày 28/04/2017 và biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 102/BB-POTRACO ngày 28/04/2017, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận như sau: trích quỹ đầu tư phát triển 208.940.834 đồng; trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 303.875.843 đồng; chia cổ tức cho các cổ đông với mức là 6% vốn Điều lệ bằng tiền mặt tương đương với 2.820.000.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 47.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm lập báo cáo:

	Số lượng cổ phiếu (Cổ phần)	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Hàng Hải Ngân Hà	1.128.000	11.280.000.000	24,00
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding	1.787.400	17.874.000.000	38,03
Cổ đông khác	1.784.600	17.846.000.000	37,97
<b>Cộng</b>	<b>4.700.000</b>	<b>47.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.700.000	4.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.700.000	4.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.700.000	4.700.000

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	47.000.000.000	47.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	47.000.000.000	47.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.332.816.677	4.204.847.365

**15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	121,94	486,90

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**16. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực logistic tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Chỉ tiêu	Miền Trung VND	Miền Bắc VND	Cộng VND
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>9.878.286.168</b>	<b>57.592.719.696</b>	<b>67.471.005.864</b>
Hoạt động vận chuyển	9.878.286.168	55.989.829.700	65.868.115.868
Hoạt động khác	-	1.602.889.996	1.602.889.996
<b>2. Giá vốn</b>	<b>7.148.151.618</b>	<b>51.436.732.096</b>	<b>58.584.883.714</b>
Hoạt động vận chuyển	7.148.151.618	50.968.596.396	58.116.748.014
Hoạt động khác	-	468.135.700	468.135.700
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>	<b>2.730.134.550</b>	<b>6.155.987.600</b>	<b>8.886.122.150</b>
Hoạt động vận chuyển	2.730.134.550	5.021.233.304	7.751.367.854
Hoạt động khác	-	1.134.754.296	1.134.754.296
<b>4. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>545.825.107</b>	<b>3.182.288.089</b>	<b>3.728.113.197</b>
Hoạt động vận chuyển	545.825.107	3.093.720.337	3.639.545.445
Hoạt động khác	-	88.567.752	88.567.752

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh**

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>5.578.717.561</b>	<b>6.519.618.733</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.173.476.222	3.185.109.034
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	253.408.589	145.283.768
Chi phí khấu hao	208.061.820	208.061.820
Tiền thuê đất, thuê nhà	526.495.754	1.542.256.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.417.275.176	1.438.908.111
<b>Cộng</b>	<b>5.578.717.561</b>	<b>6.519.618.733</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	3.728.113.197	4.443.480.739
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	303.003.991	55.620.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(76.291.833)	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	379.295.824	55.620.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>4.031.117.188</b>	<b>4.499.100.739</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>806.223.438</b>	<b>899.820.148</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>806.223.438</b>	<b>899.820.148</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHẦN**

	Năm nay	Năm trước (đã trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	2.921.889.759	3.543.660.591
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	(303.875.843)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	2.921.889.759	3.239.784.748
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.700.000	4.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>622</b>	<b>689</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 đã được kiểm toán là 754 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, chỉ tiêu này được tính và trình bày lại theo quy định của Thông tư số 200/2014-TT/BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 được tính toán lại trên cơ sở Lợi nhuận sau thuế đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ nguồn lợi nhuận năm 2016 chia cho số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm.

Năm 2017, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2017, do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa điều chỉnh bởi ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	7.379.623.307	4.626.698.143
Chi phí nhân công	7.371.513.910	8.303.009.433
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	888.917.695	940.830.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.273.452.968	2.103.455.199
Thuế đất	526.495.754	1.542.256.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	47.149.382.622	30.607.168.135
<b>Cộng</b>	<b>65.589.386.256</b>	<b>48.123.417.102</b>

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.423.412.213	10.464.102.848
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.163.927.155	35.459.938.544
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.398.650.000	8.895.168.771
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.985.989.368</b>	<b>54.819.210.163</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	4.399.488.938	4.314.501.825
Phải trả người bán và phải trả khác	14.705.196.263	11.587.310.931
Chi phí phải trả	50.040.989	67.520.235
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.154.726.190</b>	<b>15.969.332.991</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>
<b>Số cuối năm</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.423.412.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.067.727.155
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.398.650.000
<b>Cộng</b>	<b>56.889.789.368</b>
<b>Số cuối năm</b>	
Các khoản vay	4.399.488.938
Phải trả người bán và phải trả khác	14.705.196.263
Chi phí phải trả	50.040.989
<b>Cộng</b>	<b>19.154.726.190</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>37.735.063.178</b>

	<b>Dưới 1 năm VND</b>
<b>Số đầu năm</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.464.102.848
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.459.938.544
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.895.168.771
<b>Cộng</b>	<b>54.819.210.163</b>
<b>Số đầu năm</b>	
Các khoản vay	4.314.501.825
Phải trả người bán và phải trả khác	11.587.310.931
Chi phí phải trả	67.520.235
<b>Cộng</b>	<b>15.969.332.991</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>38.849.877.172</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ ĐIỆN LỰC**Số 112, Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai,  
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 09a -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN***Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thu nhập của Ban Giám đốc	382.316.017	438.653.233
Cổ tức đã nhận	5.406.000	11.778.195
Phải thu Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị	2.000.838.938	419.333.054

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.



Nguyễn Tài Hiếu  
Giám đốc

Ngày 27 tháng 01 năm 2018

Đỗ Thị Lan  
Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Liên  
Người lập biểu